

Bản án số: 10/2025/HS-PT

Ngày: 13- 3 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Ông Nguyễn Văn Hoà

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Công Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án hình sự thụ lý số 06/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo: Lê Văn Q1; sinh năm: 1964; Nơi sinh: tại Vĩnh Long; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT: Ấp C, xã T, huyện B, Bình Phước; chỗ ở hiện nay: C P, phường G, quận H, thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Phụ hồ; Con ông: Lê Văn B – (đã chết) và bà Trần Thị M – (đã chết); Họ tên vợ: Nguyễn Thị G, sinh năm: 1968; Bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1997; Bị cáo có 07 người chị em, lớn sinh năm 1960, nhỏ sinh năm: 1978.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 31/7/2024 cho đến nay – có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2012 đến năm 2013, Lê Văn Q và Nguyễn Thị G làm nghề trồng rau và chăn nuôi gà tại ấp C xã T, huyện B. Do cần tiền để xây nhà nên vợ chồng Q, G nói dối với nhiều người dân trên địa bàn ấp C xã T muốn vay tiền để tiếp tục đầu tư kinh doanh rau và gà để kiếm lời. Do tin tưởng nên nhiều người dân đã cho vợ chồng Q, G vay tiền. Sau khi nhận được tiền vay, Q, G không sử dụng vào việc kinh doanh mà sử dụng để xây nhà ở, chi tiêu dùng cá nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ. Đến thời hạn trả nợ, Q và G không có tiền trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận, hứa hẹn nhiều lần. Đến tháng 01 năm 2014, vợ chồng Lê Văn Q, Nguyễn Thị G bỏ trốn khỏi huyện B và đi đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương, cắt đứt mọi liên lạc với các chủ nợ, không thông báo cho các chủ nợ biết.

Ngoài việc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản, vợ chồng Q, G có tài sản là thửa đất số 164, tờ bản đồ số 12 tại ấp C, xã T, huyện B với diện tích 4.365,1m² được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH - 00935 ngày 03/05/2013 đang thế chấp tại Ngân hàng A chi nhánh huyện B từ ngày 08/5/2013 để vay 200.000.000 đồng. Ngày 05/7/2017, vợ chồng Q, G cùng con trai là Lê Minh K quay về B, đến Văn phòng C1 làm hợp đồng ủy quyền toàn bộ thửa đất nêu trên cho con gái là Lê Thị Hồng N được quyền thế chấp, chuyển nhượng...cho bên thứ ba. Ngay trong ngày 05/7/2017, N đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên cho ông Vũ Văn C với giá 600.000.000 đồng. Số tiền này, vợ chồng Q, G dùng để trả nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi suất 115.395.358 đồng cho ngân hàng A Chi nhánh huyện B, còn lại 284.604.642 đồng, vợ chồng Q, G cho con gái là Lê Thị Hồng N sử dụng [76-79; 80-102].

Sau khi phát hiện vợ chồng Q, G bán tài sản và bỏ trốn khỏi địa phương, các chủ nợ đã làm đơn tố cáo gửi đến Công an huyện B để điều tra làm rõ.

Cơ quan điều tra xác định được, Lê Văn Q, Nguyễn Thị G đã vay tiền của những người dân, bao gồm:

- Ngày 20/7/2011, mượn của chị Nguyễn Thị L 18.000.000 đồng, lãi 03%/tháng, thời hạn vay đến ngày 30/12/2013 âm lịch và đã trả được tiền lãi 18 tháng.
- Ngày 19/11/2012, mượn của chị Nguyễn Thị H 6.000.000 đồng, có làm giấy viết tay, không tính tiền lãi, hẹn đến tháng 01 năm 2013 sẽ trả nợ.
- Tháng 12/2012, vay của chị Nguyễn Thị G1 35.000.000 đồng, không làm giấy viết tay, không tính lãi và hẹn đến tháng 10 năm 2013 trả hết nợ.
- Tháng 10 năm 2013 vay của chị Lỗ Thị P 30.000.000 đồng, có làm giấy viết tay, không tính lãi, thời hạn vay đến tháng 12 năm 2013 âm lịch sẽ trả nợ.
- Ngày 15/10/2013 âm lịch mượn của chị Bùi Thị T 65.000.000 đồng, có làm giấy viết tay nhưng không tính lãi, thời hạn vay đến ngày 15/01/2014 âm lịch.
- Tháng 12 năm 2013 âm lịch, mượn của chị Nguyễn Thị Mộng Đ 15.000.000 đồng, không viết giấy vay mượn, không tính lãi, hẹn tháng 02 năm 2014 sẽ trả nợ.

Ngoài ra vợ chồng Q, G còn vay tiền của bà Nguyễn Thị Bạch Thu H1 số tiền 42.500.000 đồng, Trần Thị Mỹ D số tiền 11.200.000 đồng và Nguyễn Thị M1 số tiền 26.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi tiến hành xác minh, Cơ quan điều tra xác định bà D và bà M1 hiện không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, riêng bà H1 đã được vợ chồng Q, G thỏa thuận về việc trả nợ nên không có yêu cầu gì, vì vậy không đề cập xử lý.

Như vậy tổng số tiền Lê Văn Q và Nguyễn Thị G đã chiếm đoạt của 06 người dân là 169.000.000 đồng

Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/12/2024 bị cáo Lê Văn Q có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Văn Q theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn Q được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nhận định, xét lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nhau, có đủ căn cứ xác định:

Do cần tiền kinh doanh và xây nhà nên vợ chồng Q, G đã mượn tiền nhiều người dân trên địa bàn xã T và hứa hẹn sẽ trả đúng hạn. Do tin tưởng nên nhiều người đã cho vợ chồng Q, G vay tiền. Sau khi nhận được tiền vay, Q, G sử dụng để xây nhà ở, chi tiêu dùng cá nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ. Đến thời hạn trả nợ, Q và G không có tiền trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận, hứa hẹn nhiều lần. Đến tháng 01 năm 2014, vợ chồng Lê Văn Q, Nguyễn Thị G bỏ trốn đến thành phố Hồ Chí Minh, không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương, cắt đứt mọi liên lạc với các chủ nợ, không thông báo cho các chủ nợ biết.

Sau khi ủy quyền cho con gái Lê Thị Hồng N thừa đất số 164, tờ bản đồ số 12 tại ấp C, xã T, huyện B để chuyển nhượng cho ông Vũ Văn C với giá 600.000.000 đồng dùng để trả nợ vay ngân hàng N1 chi nhánh B số tiền là: 315.395.358 đồng, số tiền còn lại 284.604.642 đồng đủ để trả nợ vay trước đó nhưng Lê Văn Q, Nguyễn Thị G cố tình không trả 06 người bị hại.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Văn Q thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài thêm tài liệu thể hiện bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của các bị hại.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo bản thân. Xét thấy, bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Vì vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo về địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại Bản án số 75/2024/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B tuyên bị cáo Lê Văn Q và Nguyễn Thị G phải trả cho bà Bùi Thị T số tiền 50.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L 8.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị G 30.000.000 đồng; bà Lỗ Thị P 20.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H: 1.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Q đã khắc phục toàn bộ số tiền cho các bị hại. Do vậy, ghi nhận các bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu gì thêm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Văn Q

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự của bị cáo Lê Văn Q.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (13/3/2025).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường G2, quận H, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản

án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo Lê Văn Q và Nguyễn Thị G đã bồi thường toàn bộ cho các bị hại Bùi Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị G1, Lỗ Thị P, Nguyễn Thị H. Các bị hại không yêu cầu gì thêm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn Q không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKS, huyện B ;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND phường 7, quận 8;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo